

Số: 60/QĐ-CT

Tân Phú, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của trường Mầm non Cát Tường

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 60/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của UBND quận Tân Phú về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND quận Tân Phú về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường Mầm non Cát Tường (Biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Mầm non Cát Tường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Quận (để báo cáo);
- Lưu :VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Văn Thị Hồng Loan

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-CT ngày 31/12/2024 của Trường Mầm non Cát Tường)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	2.392.365.000
1	Học phí	318.600.000
2	Thu sự nghiệp	2.073.765.000
	- Phục vụ và quản lý bán trú	949.725.000
	- Phục vụ ăn sáng	567.000.000
	- Vệ sinh bán trú	127.575.000
	- Thiết bị bán trú	72.450.000
	- Năng khiếu, ngoại ngữ	161.015.000
	- Phục vụ hè	196.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.392.365.000
a	CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	2.054.112.050
	- MỤC: 6050 - Tiền công	490.800.000
	+ Tiểu mục: 6051 - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	490.800.000
	- MỤC: 6200 - Tiền thưởng	4.914.000
	+ Tiểu mục: 6201 - Thưởng thường xuyên	4.914.000
	- MỤC: 6300 - Các khoản đóng góp	115.338.000
	+ Tiểu mục: 6301 - Bảo hiểm xã hội	85.890.000
	+ Tiểu mục: 6302 - Bảo hiểm y tế	14.724.000
	+ Tiểu mục: 6303 - Kinh phí công đoàn	9.816.000
	+ Tiểu mục: 6304 - Bảo hiểm thất nghiệp	4.908.000
	- MỤC: 6400 - Các khoản thanh toán cá nhân	1.443.060.050
	+ Tiểu mục: 6449 - Chi khác	1.443.060.050
	Thanh toán các khoản phụ cấp cho BGH-GV-NV biên chế 30 người	1.190.460.050
	Trợ cấp Tết cho 7 nhân viên hợp đồng (1.800.000đ/người)	12.600.000
	Thanh toán các khoản phụ cấp cho NV hợp đồng 7 người	240.000.000
b	CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	127.600.000
	- MỤC: 6500 - Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000
	+ Tiểu mục: 6501 - Tiền điện	15.000.000
	+ Tiểu mục: 6502 - Tiền nước	15.000.000
	- MỤC: 6550 - Vật tư văn phòng	30.000.000
	+ Tiểu mục: 6551 - Văn phòng phẩm	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6552 - Công cụ, dụng cụ văn phòng	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6599 - Vật tư văn phòng khác	10.000.000
	- MỤC: 6750 - Chi phí thuê mướn	7.600.000
	+ Tiểu mục: 6799 - Thuê mướn khác	7.600.000
	- MỤC: 6900 - Chi sửa chữa thường xuyên	60.000.000
	+ Tiểu mục: 6905 - Tài sản và thiết bị chuyên dùng	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6907 - Nhà cửa	10.000.000

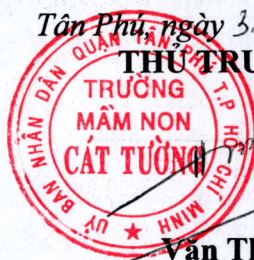
STT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Tiểu mục: 6912 - Thiết bị công nghệ thông tin	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6913 - Tài sản thiết bị văn phòng	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6921 - Đường điện, cấp thoát nước	10.000.000
	+ Tiểu mục: 6949 - Tài sản, công trình khác	10.000.000
c	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	20.000.000
	- MỤC: 7750 - Chi khác	20.000.000
	+ Tiểu mục: 7799 - Chi các khoản khác	20.000.000
d	Khấu hao tài sản	20.737.650
đ	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định	42.475.300
e	Trích 40% cải cách tiền lương	127.440.000
B	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	12.218.000.000
1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 13)	6.412.000.000
a	CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	5.707.000.000
	<i>Mức lương 1.490.000 đồng</i>	<i>3.632.000.000</i>
	- Mục: 6000 - Tiền lương	2.032.643.100
	+ Tiểu mục: 6001 - Lương biên chế	1.985.574.000
	+ Tiểu mục: 6049 - Lương khác (Nâng lương niên hạn 2025)	47.069.100
	- Mục: 6100 - Phụ cấp lương	1.036.976.900
	+ Tiểu mục: 6101 - Phụ cấp chức vụ	39.336.000
	+ Tiểu mục: 6107 - Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.576.000
	+ Tiểu mục: 6112 - Phụ cấp ưu đãi nghề	671.152.900
	+ Tiểu mục: 6113 - Phụ cấp trách nhiệm	1.788.000
	+ Tiểu mục: 6115 - Phụ cấp thâm niên nghề	321.124.000
	- Mục: 6300 - Các khoản đóng góp	562.380.000
	+ Tiểu mục: 6301 - Bảo hiểm xã hội	406.828.000
	+ Tiểu mục: 6302 - Bảo hiểm y tế	71.793.000
	+ Tiểu mục: 6303 - Kinh phí công đoàn	47.862.000
	+ Tiểu mục: 6304 - Bảo hiểm thất nghiệp	23.931.000
	+ Tiểu mục: 6349 - Bảo hiểm TNLĐ & BNN	11.966.000
	<i>Mức lương 310.000 đồng</i>	<i>753.015.000</i>
	- Mục: 6000 - Tiền lương	424.052.100
	+ Tiểu mục: 6001 - Lương biên chế	414.259.200
	+ Tiểu mục: 6049 - Lương khác (Nâng lương niên hạn 2025)	9.792.900
	- Mục: 6100 - Phụ cấp lương	211.687.900
	+ Tiểu mục: 6101 - Phụ cấp chức vụ	8.184.000
	+ Tiểu mục: 6107 - Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	744.000
	+ Tiểu mục: 6112 - Phụ cấp ưu đãi nghề	135.576.900
	+ Tiểu mục: 6113 - Phụ cấp trách nhiệm	372.000
	+ Tiểu mục: 6115 - Phụ cấp thâm niên nghề	66.811.000
	- Mục: 6300 - Các khoản đóng góp	117.275.000
	+ Tiểu mục: 6301 - Bảo hiểm xã hội	84.838.000
	+ Tiểu mục: 6302 - Bảo hiểm y tế	14.971.000
	+ Tiểu mục: 6303 - Kinh phí công đoàn	9.981.000
	+ Tiểu mục: 6304 - Bảo hiểm thất nghiệp	4.990.000
	+ Tiểu mục: 6349 - Bảo hiểm TNLĐ & BNN	2.495.000
	<i>Mức lương 540.000 đồng</i>	<i>1.321.985.000</i>
	- Mục: 6000 - Tiền lương	736.662.600
	+ Tiểu mục: 6001 - Lương biên chế	719.604.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Tiểu mục: 6049 - Lương khác (Nâng lương niên hạn 2025)	17.058.600
	- Mục: 6100 - Phụ cấp lương	351.355.400
	+ Tiểu mục: 6101 - Phụ cấp chức vụ	142.560.000
	+ Tiểu mục: 6107 - Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.296.000
	+ Tiểu mục: 6112 - Phụ cấp ưu đãi nghề	90.470.400
	+ Tiểu mục: 6113 - Phụ cấp trách nhiệm	648.000
	+ Tiểu mục: 6115 - Phụ cấp thâm niên nghề	116.381.000
	- Mục: 6300 - Các khoản đóng góp	233.967.000
	+ Tiểu mục: 6301 - Bảo hiểm xã hội	169.253.000
	+ Tiểu mục: 6302 - Bảo hiểm y tế	29.868.000
	+ Tiểu mục: 6303 - Kinh phí công đoàn	19.912.000
	+ Tiểu mục: 6304 - Bảo hiểm thất nghiệp	9.956.000
	+ Tiểu mục: 6349 - Bảo hiểm TNLĐ & BNN	4.978.000
	- Mục: 6400 - Các khoản thanh toán cá nhân	54.000.000
	+ Tiểu mục: 6449 - Trợ cấp phụ cấp khác (Chăm lo Tết)	54.000.000
b	CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	685.000.000
	- MỤC: 6500 - Thanh toán dịch vụ công cộng	190.000.000
	+ Tiểu mục: 6501 - Tiền điện	90.000.000
	+ Tiểu mục: 6502 - Tiền nước	90.000.000
	+ Tiểu mục: 6504 - Tiền vệ sinh, môi trường	10.000.000
	- MỤC: 6550 - Vật tư văn phòng	250.000.000
	+ Tiểu mục: 6551 - Văn phòng phẩm	180.000.000
	+ Tiểu mục: 6552 - Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	50.000.000
	+ Tiểu mục: 6599 - Vật tư văn phòng khác	20.000.000
	- MỤC: 6600 - Thông tin tuyên truyền liên lạc	15.000.000
	+ Tiểu mục: 6601 - Cước phí điện thoại trong nước	2.000.000
	+ Tiểu mục: 6605 - Cước phí internet	2.000.000
	+ Tiểu mục: 6606 - Tuyên truyền, quảng cáo	2.000.000
	+ Tiểu mục: 6608 - Ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí	2.000.000
	+ Tiểu mục: 6618 - Khoán điện thoại	7.000.000
	- MỤC: 6700 - Công tác phí	12.000.000
	+ Tiểu mục: 6704 - Khoán công tác phí	12.000.000
	- MỤC: 6900 - Chi sửa chữa thường xuyên	138.000.000
	+ Tiểu mục: 6905 - Tài sản và thiết bị chuyên dùng	15.000.000
	+ Tiểu mục: 6907 - Nhà cửa	28.000.000
	+ Tiểu mục: 6912 - Thiết bị công nghệ thông tin	30.000.000
	+ Tiểu mục: 6913 - Tài sản thiết bị văn phòng	30.000.000
	+ Tiểu mục: 6921 - Đường điện, cấp thoát nước	20.000.000
	+ Tiểu mục: 6949 - Tài sản, công trình khác	15.000.000
	- MỤC: 7000- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	80.000.000
	+ Tiểu mục: 7001 - Hàng hóa vật tư chuyên môn	50.000.000
	+ Tiểu mục: 7003 - Mua, in ấn, photo tài liệu	10.000.000
	+ Tiểu mục: 7006 - Sách, tài liệu chuyên môn	10.000.000
	+ Tiểu mục: 7049 - Khác	10.000.000
c	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	20.000.000
	- MỤC: 7750 - Chi khác	20.000.000
	+ Tiểu mục: 7799 - Chi khai giảng, bế giảng	20.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Nguồn kinh phí thường xuyên giao không tự chủ	5.806.000.000
2.1	Chi thường xuyên giao không tự chủ (Nguồn 12)	2.245.000.000
a	CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN	1.967.800.000
	- Mục: 6100 - Phụ cấp lương	636.762.000
	+ Tiểu mục: 6105 - Làm thêm giờ	636.762.000
	- Mục: 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.331.038.000
	+ Tiểu mục: 6449 - Trợ cấp, phụ cấp khác	1.331.038.000
	. Chi Tết Nguyên đán	54.000.000
	. Hỗ trợ kinh phí Mâm non theo Nghị quyết 01/2014	847.588.000
	. Chính sách thu hút Giáo viên Mâm non theo Nghị quyết 04/2017	429.450.000
b	CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	277.200.000
	- MỤC: 6550 - Vật tư văn phòng	9.090.000
	+ Tiểu mục: 6552 - Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	9.090.000
	- Mục: 6950 - Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	82.300.000
	+ Tiểu mục: 6954 - Tài sản thiết bị chuyên dùng	65.800.000
	+ Tiểu mục: 6999 - Tài sản thiết bị khác	16.500.000
	- Mục: 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	8.100.000
	+ Tiểu mục: 7001 - Chi mua hàng hóa, vật tư	8.100.000
c	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	177.710.000
	- Mục: 7750 - Chi khác	177.710.000
	+ Tiểu mục: 7757 - Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	11.510.000
	+ Tiểu mục: 7766 - Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	166.200.000
2.2	Chi nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14)	3.259.000.000
	- Mục: 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.259.000.000
	+ Tiểu mục: 6449 - Trợ cấp, phụ cấp khác	3.259.000.000
	. Chi Tăng thu nhập theo NQ08/2023 cho viên chức	3.187.000.000
	. Chi Tăng thu nhập theo NQ08/2023 cho đối tượng khoán	72.000.000
2.3	Quỹ tiền thưởng theo ND73/2024(Nguồn 18)	302.000.000
	- Mục: 6200 - Tiền thưởng	302.000.000
	+ Tiểu mục: 6201 - Thưởng thường xuyên	241.600.000
	+ Tiểu mục: 6999 - Thưởng đột xuất	60.400.000

Tân Phú, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Văn Thị Hồng Loan